



Ảo tưởng và giải pháp khắc phục

Vũ Ngọc Thanh Thảo

Lời giới thiệu: Tác giả là sinh viên Khoa khoa học giáo dục, thuộc hệ đào tạo văn bằng 2 của Trường đại học khoa học xã hội và nhân văn. Bài khóa luận kết thúc môn Phương pháp luận sáng tạo đề cập đến một dạng cụ thể của tính ì tâm lý. Xin giới thiệu cùng bạn đọc.

MỞ ĐẦU

Có một thực tế đáng cho chúng ta lưu ý là trong thời đại ngày nay thế giới ảo đang “lên ngôi”. Nhiều người tỏ ra rất thích thú khi được sống trong thế giới ảo! Trong thế giới ảo đó, con người thấy mọi vật thật là hoàn hảo, từng cảnh sống đều là thiên đàng tại thế, không còn gì đáng mơ ước nữa. Có mơ ước chẳng là mơ ước cho mình đừng thấy lại cảnh đời “thực”! Thế nhưng thế giới ảo thì mãi mãi vẫn là ảo tưởng, là không thực. Sống trong thế giới ảo dần dần sẽ biến con người thật thành con người ảo! Lấy cái thực để đổi lấy cái giả là thiếu khôn ngoan. Như vậy, khôn ngoan đích thực là sống cuộc sống thực với một tư duy tích cực, sáng tạo để giải quyết những vấn đề thực, làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn.

Chương 1: ẢO TƯỞNG - CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.1 Khái niệm

Ảo tưởng là ý nghĩ hoặc điều mơ tưởng viển vông, không thực tế, không thể thực hiện được.

Ảo tưởng là tính ì tâm lý, nó mang nhiều đặc điểm của tính ì tâm lý “thừa”. Do vậy muốn hiểu rõ về ảo tưởng, ta phải tìm hiểu về tính ì tâm lý và tính ì tâm lý thừa. Ảo tưởng cũng chính là “căn bệnh” ai cũng có thể mắc phải, nhưng không phải là điều dễ khắc phục vì mọi người thường không nhận ra nó.

1.1.1 Tính ì tâm lý- tính ì tâm lý “thừa”

Tính ì tâm lý là hoạt động tâm lý của người đó giữ lại các hiện tượng (quá trình, trạng thái, tính chất, khuynh hướng thay đổi) tâm lý cụ thể đã và đang trải qua, chống lại việc chuyển sang các hiện tượng tâm lý cụ thể khác.

Khi nói giữ lại nghĩa là nói đến trí nhớ. Trí nhớ bên cạnh vai trò tích cực, cực kỳ quan trọng trong hoạt động tư duy nói riêng, hoạt động tâm lý nói chung của mỗi người, lại trở thành nguyên nhân gây nên tính ì tâm lý, dẫn đến quyết định sai khi cần có sự thay đổi để phù hợp với thực tiễn.

Tính ì tâm lý thường có hại, là vật cản trong tư duy sáng tạo đổi mới. Điều này hiệu được vì trong tư duy sáng tạo và đổi mới đòi hỏi phải có cái mới, trong khi tính ì tâm lý cố gắng giữ lại những gì quen thuộc, đã biết nằm trong trí nhớ, không chịu đưa ra những cái mới hoặc tiếp nhận cái mới.

Có 3 loại hình tính ì tâm lý: tính ì thiếu, tính ì thừa, và sự rụt rè tự ti. Áo tưởng thuộc tính ì thừa. Vì vậy ta cần tìm hiểu xem, tính ì thừa là như thế nào?

Tính ì tâm lý do ngoại suy ra ngoài phạm vi áp dụng (tính ì tâm lý “thừa”)

Phạm vi áp dụng của đối tượng cho trước được hiểu là tập hợp các thông số cụ thể về không gian, thời gian, các điều kiện vật chất, năng lượng, thông tin... của môi trường, ở đó, hoạt động của đối tượng cho trước ra kết quả dương tính: Đúng, ích lợi, mạnh, ưu điểm, tốt, tích cực... Nếu dùng đối tượng cho trước nói trên ta nói rằng, đối tượng cho trước được dùng đúng hoặc dùng trong phạm vi áp dụng của nó. Nếu dùng đối tượng cho trước ra ngoài phạm vi áp dụng của nó, đúng có thể thành sai, lợi có thể thành hại, mạnh có thể thành yếu, ưu điểm có thể trở thành nhược điểm... Nói cách khác, dùng đối tượng cho trước ra ngoài phạm vi áp dụng của nó, có thể làm nảy sinh các vấn đề.

PHẠM VI ÁP DỤNG

Ngoài:

Sai
Hại
Yếu
Nhược

Trong:

Đúng
Lợi
Mạnh
Ưu điểm

Ngoài:

Sai
Hại
Yếu
Nhược

Hình: kết quả của việc sử dụng đối tượng ở trong và ngoài phạm vi áp dụng của nó

Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, phạm vi áp dụng mang tính tương đối, hiểu theo nghĩa, phạm vi áp dụng của đối tượng cho trước, được xác định bởi những hiểu biết của loài người cho đến nay, có thể thay đổi trong tương lai. Tính tương đối của phạm vi áp dụng của đối tượng cho trước còn thể hiện ở chỗ, phạm vi áp dụng vừa nói có thể khác nhau giữa các cá nhân khác nhau và toàn nhân loại.

Phạm vi áp dụng có thể phân thành nhiều loại. Đó là phạm vi áp dụng khách quan và phạm vi áp dụng chủ quan. Phạm vi áp dụng khách quan xác định bởi các quy luật khách quan, không phụ thuộc vào ý chủ quan của con người. Phạm vi áp dụng chủ quan có phần do con người quy định, quy ước, thể hiện dưới dạng như pháp luật, quy tắc, truyền thống, phong tục, tập quán... Loại phạm vi áp dụng chủ quan có thể thay đổi từ quốc gia này sang quốc gia khác, từ dân tộc này sang dân tộc khác, từ vùng này sang vùng khác, từ văn hóa này sang văn hóa khác, thậm chí từ gia đình này sang gia đình khác.

Trong các nguyên nhân dẫn đến việc cá nhân dùng đối tượng cho trước ra ngoài phạm vi áp dụng của nó, có nguyên nhân quan trọng là trí nhớ đưa ra các phép thử khác đi so với các phép thử đã có, được chọn lọc tự nhiên giữ lại. Loại tính ì tâm lý do trí nhớ, dẫn đến dùng đối tượng ra ngoài phạm vi áp dụng của nó, còn gọi tắt là tính ì tâm lý “thừa”.

Trước hết, tính ì tâm lý thừa thường xảy ra khi điều kiện hoàn cảnh thay đổi nhưng cá nhân không đủ thời gian nhận biết, hoặc không nhận biết, hoặc nhận biết cần thay đổi nhưng không chịu thay đổi, vẫn tiếp tục dùng đối tượng cho trước theo quán tính (thói quen) cho hoàn cảnh mới. Điều này có thể dẫn đến kết quả: dùng đối tượng cho trước ra ngoài phạm vi áp dụng của nó.

Các thông tin lưu giữ trong trí nhớ con người còn có khả năng liên kết với nhau, là cơ sở của quá trình liên tưởng. Liên tưởng còn tham gia vào quá trình hiểu, xử lý thông tin và phát các ý tưởng mới.

Người nào cũng có khả năng liên tưởng. Nhờ liên tưởng, con người suy nghĩ dễ dàng chuyển từ đối tượng này sang đối tượng khác, liên kết các đối tượng khác nhau lại với nhau, mở rộng ứng dụng của lời giải cho trước, chuyển giao ý tưởng từ đối tượng, lĩnh vực này sang đối tượng, lĩnh vực khác... Đây là công việc rất cần thiết trong tư duy sáng tạo.

Tuy nhiên, nếu quá trình liên tưởng xảy ra một cách tự nhiên, không điều khiển, có thể xảy ra những trường hợp, ở đó, người suy nghĩ không biết rằng mình đã liên tưởng vượt ra ngoài phạm vi của đối tượng cho trước. Trường hợp này càng dễ dàng xảy ra nếu như trước đó, quá trình liên tưởng đã đem lại nhiều thành công cho người suy nghĩ, tạo dấu vết vật chất đậm trong trí nhớ.

1.2 Nguyên nhân của ảo tưởng

Như vậy, ảo tưởng chính là tính ì “thừa” và nguyên nhân dẫn đến ảo tưởng là việc cá nhân dùng đối tượng cho trước ra ngoài phạm vi áp dụng của nó. Điều này thường xảy ra khi điều kiện hoàn cảnh thay đổi nhưng cá nhân không đủ thời gian nhận biết, hoặc không nhận biết, hoặc nhận biết cần thay đổi nhưng không chịu thay đổi, vẫn tiếp tục dùng đối tượng cho trước theo quán tính (thói quen) cho hoàn cảnh mới. Điều này có thể dẫn đến kết quả: dùng đối tượng cho trước ra ngoài phạm vi áp dụng của nó.

Lý do thứ hai là người suy nghĩ không biết rằng mình đã liên tưởng vượt ra ngoài phạm vi của đối tượng cho trước. Trường hợp này càng dễ dàng xảy ra nếu như trước đó, quá trình liên tưởng đã đem lại nhiều thành công cho người suy nghĩ, tạo dấu vết vật chất đậm trong trí nhớ.

1.3 Những tác động dẫn đến ảo tưởng

1.3.1 Tác động của yếu tố bên ngoài (xã hội, gia đình...)

Những yếu tố của xã hội như là phim ảnh, dư luận, kì vọng... đã có tác động rất lớn tạo nên sự ảo tưởng. Những nhận xét không đúng thì đôi khi làm cho chúng ta nhìn nhận sai lầm về chính mình nếu không suy xét kĩ lưỡng với cái nhìn nhiều góc cạnh của vấn đề. Những nhận xét này làm chúng ta ảo tưởng về bản thân. Nếu là nhận xét tích cực mà sai thì làm chúng ta tự hào quá đáng vào mình và khả năng lớn hơn thực tế mà chúng ta có

được. Nếu là nhận xét tiêu cực mà sai thì làm chúng ta thiếu tự tin, mất đi niềm tin vào khả năng thực tế của mình.

Một vài ví dụ điển hình như là làn sóng phim Hàn đã ảnh hưởng đến lớp trẻ hiện nay rất nhiều, khiến nhiều bạn trẻ ảo tưởng về một tình yêu lãng mạn như phim ảnh. Chính điều này cũng khiến cho nhiều người muốn làm cô dâu Việt trên đất Hàn. Nhiều người trong số đó, đã có kết cục vô cùng thương tâm.

Hay một xã hội luôn coi trọng bằng cấp cũng tạo nên một ảo tưởng cho giới trẻ “học vị là thước đo”. Điều này khiến cho nhiều bạn trẻ nghĩ rằng đại học là con đường dẫn tới thành công duy nhất. Và không ít bạn trẻ đã chọn giải pháp từ giả cõi đời vì không đậu đại học.

Môi trường xã hội ngày nay dễ tạo nên “tên tuổi ảo”. Chỉ cần chụp một bộ ảnh “nóng bỏng” hay bốc lửa rồi tung lên mạng là có thể trở thành một người tai tiếng (nhưng thường chủ nhân sẽ nghĩ là... nổi tiếng). Những cơn bão sành điệu đổ bộ vào giới trẻ qua kênh phim ảnh, internet... khiến thanh thiếu niên không thể chấp nhận cho mình một vị thế “hai lúa”, quê mùa trong khi muốn mang danh hot boy, hot girl một cách nhanh nhất thì chỉ còn cách “nổ”.

1.3.2 Tác động của yếu tố bên trong (bản thân)

Khi sống trong ảo tưởng, con người thấy mình “hoàn hảo” và “thánh thiện” vào hạng bậc nhất thiên hạ! Cám dỗ lớn nhất của con người từ ngàn xưa đến nay vẫn là cám dỗ về sự kiêu căng, thấy mình vượt hơn hết mọi người, hoàn hảo hơn người khác, ở vị thế cao hơn mọi người. Cám dỗ này diễn ra ở khắp mọi nơi, ở mọi hạng người, nhất là ở những người có chức quyền trong xã hội hoặc đạt được sự thành công trong một vài lĩnh vực nào đó của cuộc sống. Những người này thấy mình vô cùng quan trọng trong đời sống của mọi người, quan trọng đến mức “khó ai có thể thay thế được”! Đó là một thứ ảo tưởng “chết người”. Ảo tưởng này trở nên rất nguy hiểm vì nó đẩy con người sống xa rời thực tế, xa cách với mọi người, thấy mình ở địa vị độc tôn và thích làm kẻ trên cao để ban phát và thi ân cho thiên hạ, không thấy mình cần học hỏi ai hay cần ai sửa dạy.

Hãy xem xét một thực trạng sau của giáo dục nước ta hiện nay:

Ngành giáo dục vừa được Chính phủ phê duyệt đề án đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ (TS) cho các trường ĐH, CĐ 2010 - 2020. Theo mục tiêu đề án, sẽ có khoảng 10.000 TS được đào tạo ở nước ngoài tại các trường ĐH có uy tín, khoảng 3.000 TS được đào tạo theo hình thức phối hợp hoặc liên kết giữa các trường ĐH của Việt Nam và trường ĐH nước ngoài, và khoảng 10.000 TS được đào tạo trong nước.

Kinh phí dự kiến là 14.000 tỷ đồng, tương đương khoảng 737 triệu USD tại thời điểm Chính phủ phê duyệt đề án.

Có ảo tưởng không?

Trung bình mỗi năm, đề án sẽ thực hiện đào tạo khoảng 2.300 TS. Không hiểu con số này được đề xuất dựa trên cơ sở khoa học và thực tiễn nào, nhưng có thể thấy, nó quá xa vời nếu so với điều kiện thực tế. Theo GS Nguyễn Xuân Hãn, từ năm 1945 đến nay VN có khoảng 15.000 TS, trong đó khoảng 5.000 TS được đào tạo từ nước ngoài về và khoảng

10.000 TS trong nước^[1]. Như vậy, 65 năm qua, trung bình mỗi năm chúng ta đào tạo được 230 TS.

Chưa nói đến qui trình đào tạo một TS rất tốn kém về kinh phí, thời gian... Những người được đào tạo TS phải có đủ trình độ để tham gia nghiên cứu và tự nghiên cứu, độc lập trong tư duy và bảo vệ được những kết quả nghiên cứu mới, không trùng lặp với các nghiên cứu trước. Vì thế, không phải ai cũng đủ trình độ làm nghiên cứu sinh (NCS).

Bên cạnh đó, lực lượng những người hướng dẫn khoa học cho các NCS có đủ để đáp ứng nhu cầu đào tạo? Chỉ xét những NCS trong nước và NCS liên kết, mỗi năm cần phải có 2.300 người hướng dẫn khoa học (tính tối thiểu 2 người hướng dẫn cho 1 NCS trong nước, và 1 người hướng dẫn cho 1 NCS đào tạo liên kết). Thời gian đào tạo NCS trung bình trong nước là 4 năm. Không biết chúng ta sẽ lấy đâu ra đội ngũ hướng dẫn khoa học cho các NCS để đảm bảo mục tiêu đào tạo của đề án?

Một vấn đề khác cần quan tâm là các bài báo khoa học và các nghiên cứu của NCS trong quá trình đào tạo. Theo qui định, mỗi NCS phải có ít nhất 2 bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành mới đủ điều kiện bảo vệ luận án.

Theo *Science Citation Index Expanded* (2007), 2 ĐH Quốc gia (*Hà Nội và TP.HCM*) và Viện Khoa học và Công nghệ VN chỉ có 96 bài viết được xuất bản trên các tạp chí khoa học. Trong khi đó ĐH Quốc gia Seoul có 5.060 bài, ĐH Quốc gia Singapore có 3.598 bài và ĐH Tổng hợp Bắc Kinh có 3.219 bài...

Cũng theo thống kê năm này của World Intellectual Property Organization, VN không có một bằng sáng chế nào được cấp. Trong khi đó Hàn Quốc có 102.633, Trung Quốc có 26.292, Singapore có 995 và Thái Lan có 158 bằng sáng chế được cấp. Không biết nhìn vào những số liệu này, ai đảm bảo rằng vài năm sau, VN có khoảng 5.000 bài viết được xuất bản trên các tạp chí khoa học cũng như có vài chục bằng sáng chế mỗi năm?

Mục tiêu của đề án là đào tạo giảng viên có trình độ TS đáp ứng mục tiêu đào tạo ĐH, CD trong thời gian tới. Tuy nhiên, nếu nhìn lại tổng thể lực lượng các GS, PGS, TS thì VN ta không hề thua kém các nước trong khu vực. Vậy, tại sao chúng ta lại thiếu hụt các GS, PGS, TS trong các trường ĐH, CD?

Theo GS Nguyễn Văn Tuấn, đến nay VN đã phong học hàm GS, PGS cho hơn 8.300 người, số lượng TS gấp 4 lần số lượng GS. Tuy nhiên, đáng quan tâm là số lượng các GS, PGS, TS giảng dạy trong các trường ĐH lại rất thấp. Theo báo cáo giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trong số hơn 61.000 giảng viên ĐH, CD, hiện mới có gần 6.200 TS (chiếm khoảng 10%) và gần 2.300 GS, PGS (chiếm gần 4%). Nghĩa là có khoảng hơn 10.000 TS và khoảng 6.000 GS, PGS không tham gia công tác giảng dạy.

Đào tạo 23.000 giảng viên thành TS trong 10 năm – liệu có là một "giấc mơ"?



Chương 2: GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC

2.1 Giải pháp khắc phục

Thời gian chuyển trạng thái của vật chất không bao giờ bằng không cả. Điều này cũng có nghĩa, thời gian chuyển trạng thái và thay đổi khuynh hướng của các hiện tượng tâm lý như là các phẩm chất mang tính hệ thống của bộ não cũng luôn lớn hơn không. Trong khoảng thời gian này, các trạng thái và khuynh hướng cũ của các hiện tượng tâm lý không biến mất ngay lập tức mà vẫn còn phát huy tác dụng của chúng, tạo nên tính ì tâm lý trong đó có ảo tưởng. Vì vậy chúng ta cần chủ động sống chung một cách có ý thức theo hướng sau:

Thường xuyên theo dõi tư duy của mình để tự rút kinh nghiệm về cách giảm ảo tưởng. Vì nhiều người có thể lợi dụng ảo tưởng của mình bằng cách cung cấp nửa sự thật tốt đẹp, khiến bản thân mình sẽ nghĩ rằng nửa sự thật còn lại cũng tốt đẹp tương tự. Họ có thể tạo niềm tin ban đầu cho mình, rồi dùng chính lòng tin đó để lừa đảo.

Cách khắc phục ảo tưởng tốt nhất là suy nghĩ, hành động theo các quy luật khách quan, tránh duy ý chí, luôn có nhiều cách xem xét, nhiều chiều suy nghĩ và tôn trọng thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý.

Luôn có ý thức về phạm vi áp dụng trong hành động, để không bao giờ dùng bất kỳ đối tượng nào ra ngoài phạm vi áp dụng của nó. Để làm điều đó, cần đọc kỹ và thực hiện đúng các hướng dẫn sử dụng, chống chỉ định, dự phòng đối với những đối tượng, ở đó, phạm vi áp dụng đã được xác định. Đối với những đối tượng chưa có hướng dẫn sử dụng... tự mình cần chú ý xác định phạm vi áp dụng của chúng. Trí tưởng tượng, sự tương tự rất giúp ích trong trường hợp này.

Ngoài ra, khi hoàn cảnh (hiểu theo nghĩa rộng) thay đổi, người giải phải xem xét lại tất cả những gì đem lại lợi ích trong hoàn cảnh cũ, liệu chúng còn tiếp tục đem lại lợi ích trong hoàn cảnh mới không. Nếu thấy không, cần chủ động thay đổi chúng hoặc đưa ra những cái mới, đem lại lợi ích trong hoàn cảnh mới.

Thận trọng trong việc thay đổi cách dùng đối tượng cho trước, vì cách dùng mới có thể nằm ngoài phạm vi áp dụng của đối tượng đó. Do vậy cần cân nhắc, thử nghiệm, dự phòng, kiểm tra..., tránh thực hiện sự thay đổi cách dùng đối tượng nào đó một cách đại trà ngay.

Tích cực hoá tư duy và vận dụng phương pháp luận sáng tạo trong việc giải quyết vấn đề và ra quyết định. Chẳng hạn ta có thể dùng các thủ thuật của TRIZ tác động lên chính người sử dụng để hoàn thiện con người.

1. Nguyên tắc phân nhỏ: Hiểu theo nghĩa nếu công việc khó thực hiện trọn gói, phân nhỏ ra cho dễ làm.

2. Nguyên tắc “tách khỏi”: Hiểu theo nghĩa “quảng gánh lo đi mà vui sống”, vứt ra khỏi đầu những điều buồn phiền, tiêu cực.

3. Phẩm chất cục bộ: Khi tiếp nhận thông tin phải thấy được phẩm chất riêng của từng loại thông tin, các khả năng (nghĩa) khác nhau có thể có. Từ đó rút ra các giá trị khác nhau để sử dụng hoặc không sử dụng... Tránh coi mọi thứ giống nhau, đồng nhất.

5. Nguyên tắc kết hợp: Luôn tìm, phát hiện và sử dụng khả năng đạt được “một công đôi việc”.

6. Nguyên tắc vạn năng: Chính mình thực hiện tốt nhiều vai trò (chức năng) của mình trong gia đình, công việc, xã hội...

8. Nguyên tắc phản trọng lượng: Không cầu toàn, nếu có nhược điểm khó, không khắc phục được trực tiếp, hãy bù trừ nhược điểm đó bằng ưu điểm thích hợp.

9. Nguyên tắc gây ứng suất (phản tác động) sơ bộ: Muốn có kết quả phải gieo trồng, chăm sóc trước đó, hoặc muốn ăn quả trong tương lai thì hiện tại phải trồng cây.

10. Nguyên tắc thực hiện sơ bộ: Làm bất kì điều gì cũng phải chuẩn bị trước, hoặc cái gì có thể làm trước được thì làm ngay.

11. Dự phòng: Luôn dự phòng vì không có cái gì tin cậy 100%.

12. Nguyên tắc đẳng thế: “Dĩ bất biến ứng vạn biến”

13. Nguyên tắc đảo ngược: Đừng quên, ít nhất, một nửa thế giới của các mặt đối lập kia.

14. Nguyên tắc cầu (tròn) hóa: Khi cần có thể đi đường vòng, đường vòng có khi đạt hiệu quả hơn đường thẳng, “tránh voi chẳng xấu mặt nào.

15. Nguyên tắc linh động: Cần luôn thích nghi tốt với các hoàn cảnh thay đổi, trong thế giới thay đổi nhanh.

16. Nguyên tắc giải (tác động) “thiếu hoặc thừa”: Không cầu toàn đợi cho đúng, cho đủ điều kiện mới làm, cái tốt nhất có thể là kẻ thù của cái tốt hay cái tốt hơn.

17. Nguyên tắc chuyển sang chiều khác: Sẵn sàng chuyển sang chiều xem xét khác khi cần thiết, tránh bảo thủ phiến diện.

20. Nguyên tắc liên tục các tác động có ích: Làm sao mỗi phút, mỗi giây của cuộc đời mình đều đem lại ích lợi và tính ích lợi ngày càng tăng; tránh để thời gian chết, “nhàn cư vi bất thiện”, cần thực hành tiết kiệm, tránh lãng phí.

22. Nguyên tắc biến hại thành lợi: Luôn lạc quan, thấy trong cái rủi có cái may, biến hại thành lợi.

23. Nguyên tắc quan hệ phản hồi: Người thông minh học trên sai lầm của chính mình, người sáng suốt học trên sai lầm của những người khác nhờ có được quan hệ phản hồi với chính mình và những người khác.

24. Nguyên tắc sử dụng trung gian: Không cầu toàn, cái gì cũng duy nhất một mình làm, không chịu sử dụng trung gian

25. Nguyên tắc tự phục vụ: Trước hết phải chú ý phát hiện, sử dụng các nguồn năng lượng dự trữ có sẵn trong hệ, môi trường, đặc biệt các nguồn dự trữ không mất tiền để có được các ích lợi.

27. Nguyên tắc rẻ thay cho đắt: Không cầu toàn, có thể dùng rẻ thay cho đắt.

33. Nguyên tắc đồng nhất: Cần chú ý sự tương hợp trong tương tác của mình với những người khác, đối tượng khác.

34. Nguyên tắc phân hủy hoặc tái sinh các phần: Cái gì không cần thì mạnh dạn bỏ, đừng tiếc, cái gì cần thì tạo ra, đừng ngại.

35. Thay đổi thông số hóa lý của đối tượng: Hãy chọn cho mình trạng thái thể giới bên trong thích hợp nhất, tương ứng với hoàn cảnh cụ thể nhất định của cuộc sống, công việc.

36. Sử dụng chuyển pha: Có khả năng điều khiển tốt các quá trình chuyển trạng thái của thể giới bên trong con người mình, làm chủ bản thân.

40. Sử dụng các vật liệu hợp thành: Cá nhân mình chỉ là yếu tố của hệ thống, cần đóng góp phát triển tính hệ thống.

Tuy nhiên, các thủ thuật sáng tạo cơ bản chỉ thể hiện đầy đủ các công dụng của mình khi được dùng chung với các bộ phận cấu thành khác của TRIZ theo những quy tắc nhất định.

2.2 Đánh giá tính khả thi của giải pháp

Giải pháp phù hợp với quy luật tự nhiên, có cơ sở. Tuy nhiên tính khả thi phụ thuộc vào ý chí của người thực hiện. Nếu người thực hiện không ý thức được tầm quan trọng phải thay đổi và vận dụng các giải pháp một cách triệt để thì khó thu được kết quả như ý muốn.

Ngoài ra trên đây cũng chỉ là những giải pháp chung chung, khi gặp những tình huống cụ thể về ảo tưởng cần có sự linh hoạt, kết hợp đúng các biện pháp.

Tuy nhiên, việc thực hiện các giải pháp trên là không khó, nhưng phải có sự rèn luyện thường xuyên.

KẾT LUẬN

Ảo tưởng là một căn bệnh dễ mắc phải. Nhưng sẽ là bi kịch nếu theo thời gian, bản thân người trong cuộc không tự nhận thấy rằng mình đang vướng phải căn bệnh đó thì thật là nguy hiểm. Chính môi trường thực tế và sự trải nghiệm trong công việc mới là thước đo giá trị, là cơ hội tốt để mình rèn luyện và vươn lên.

Hãy hiểu rõ bản thân để biết năng lực mình đến đâu, điểm mạnh, điểm yếu của mình là gì. Khi nhận ra mình cũng giống như bao người, ta sẽ không ảo tưởng nữa. Loại bỏ được cảm giác này, ta sẽ bớt được những đòi hỏi, yêu sách, kỳ vọng đối với cuộc sống.

Bài toán kỳ này

Đồ chơi trẻ em bán chạy trong thời gian trước và trong mùa Giáng sinh nhưng lại đình trệ trong những tháng sau Giáng sinh.

Một số biện pháp được thực hiện như: tăng cường quảng cáo hoặc giảm giá sản phẩm trong thời gian đình trệ... nhưng không phương thức nào thành công.

Làm thế nào giữ cho việc buôn bán phát đạt trong mùa cao điểm và duy trì nhu cầu ổn định về đồ chơi trong những tháng tiếp theo?